

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2017

Về tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H,
TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Ngọc Giàu.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tiến Dũng;**

2. Ông **Đỗ Thành Ngọc.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông **Dương Nguyên Khang** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 716/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Quang S**, sinh năm 1967.

Trú tại: Số 49/5C, ấp Trường Lộc, xã Trường Tây, huyện H, tỉnh T.

Bị đơn: Chị **Ngô Thị L**, sinh năm 1977.

Trú tại: Số 49/5C, ấp Trường Lộc, xã Trường Tây, huyện H, tỉnh T.

Anh S và chị L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Bùi Quang S trình bày:

Anh S và chị Ngô Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới. Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh và chị L không tin tưởng nhau về vấn đề tiền bạc. Ngoài ra, chị L thiếu sự tôn trọng đối với gia đình bên anh. Do

đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh S đã nhiều lần yêu cầu ly hôn nhưng sau đó anh có suy nghĩ lại để vợ chồng có thêm thời gian hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp tục kéo dài. Nhận thấy anh và chị L không thể tiếp tục chung sống nên anh S yêu cầu ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh S và chị L sống chung có 02 con chung tên Bùi Quang Vinh, sinh ngày 11/10/1998 và Bùi Quang Huy, sinh ngày 23/3/2005. Cháu Vinh đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Huy anh đồng ý giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết

Không có ai khác nợ lại vợ chồng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Ngô Thị L trình bày:

Chị L thống nhất lời trình bày của anh S về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, về con chung là đúng. Chị và anh S chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, tính tình vợ chồng không còn hòa hợp nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng chị đã sống ly thân và không quan tâm nhau từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S.

Về con chung: Chị L và anh S sống chung có 02 con chung tên Bùi Quang Vinh, sinh ngày 11/10/1998 và Bùi Quang Huy, sinh ngày 23/3/2005. Hiện các con đang sống chung với chị. Cháu Vinh đã trưởng thành nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Huy chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L thống nhất để chị và anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Anh S và chị L chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị anh S và chị L là vợ chồng. Giao cháu Bùi Quang Huy cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Huy hàng tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh S có khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị L. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về hôn nhân: Anh Bùi Quang S và chị Ngô Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa, anh S và chị L đều yêu cầu được ly hôn vì anh chị đã có mâu thuẫn trong thời gian dài, anh chị đã không còn quan tâm nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng không thể xem xét cho anh chị thuận tình ly hôn mà căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận anh S và chị L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L yêu cầu được nuôi con chung tên Bùi Quang Huy, sinh ngày 23/3/2005. Nhận thấy cháu Huy đã trên 07 tuổi và theo nguyện vọng của cháu muốn sống với mẹ, anh S cũng đồng ý giao cháu Huy cho chị L nuôi dưỡng nên cần chấp nhận giao cháu Huy cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Huy hàng tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận anh S và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh S phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố không công nhận anh Bùi Quang S và chị Ngô Thị L là vợ chồng.
2. Về con chung: Giao cháu Bùi Quang Huy sinh ngày 23/3/2005 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Riêng cháu Bùi Quang Vinh đã trưởng thành nên anh S và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Huy hàng tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 21/12/2017.

Kể từ ngày chị Ngô Thị L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh Bùi Quang S chưa thi hành án thì hàng tháng anh S còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh S và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Bùi Quang S phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng anh S phải chịu là 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004700 ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T nên anh S còn phải nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho anh S và chị Lg biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan THA huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Phạm Ngọc Giàu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Huỳnh Thị Ngọc Hạnh